

THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

PHÁP, TÀI, LỮ, ĐỊA

LÊ ANH DŨNG^(*)

Theo Đạo giáo, người tu muốn thành chánh quả cần có bốn điều kiện là pháp, tài, lữ, địa.

1. *Pháp* là giáo lí, pháp môn (phép tu luyện), là lời thầy truyền dạy. *Không thầy đố mày làm nên!* Thực vậy, không có minh sư (thầy sáng, thầy đã đạt đạo), không có chánh pháp, người tu mò mẫm chỉ là kẻ tu mù. Cho nên một khi đã phát tâm tu thì bắt buộc phải có minh sư dìu dắt, có chánh pháp chỉ bày.

Về những khó khăn mà người tu thường gặp, Đạo giáo đã hệ thống thành *cửu nan* (chín điều khó). Tuy theo kinh điển và môn phái mà *cửu nan* được hiểu khác nhau. Tuy nhiên, ai cũng thừa nhận điều cực kì khó khăn chính là bị "manh sư ước thúc" (thầy tối, thầy mù ràng buộc). Nghĩa là người muốn bước vào đường tu thường khó gặp được chánh pháp, mà chánh pháp lại phải do minh sư truyền dạy. Kẻ tuy có tâm tu nhưng rủi ro lạc lăm vào nẻo bàng môn tả đạo, bị manh sư dẫn lối, thì đường tu coi như đã thất bại ngay từ khởi điểm. Về lâu dài, luyện tập tinh toạ (tham thiền) sai lầm sẽ dẫn đến *tẩu hoả nhập ma* (lửa chạy đường tà); nhẹ thì chuốc lấy bệnh hoạn, nặng thì có khi điên khùng, tàn phế.

Do *pháp* là quan trọng hàng đầu cho nên mới có chuyện Thần Quang (tức Huệ Khả, Nhị tổ Thiên Tông Trung Quốc) khi đến cầu pháp với Sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma và bị từ khước, liền tự chặt lìa cách tay trái dâng lên để tỏ quyết tâm tu giải thoát.

2. *Tài* là tiền bạc. *Có thực mới vực được đạo*. Người tu đói lạnh làm sao đủ sức khoẻ để tu hành đến nơi đến chốn? Cư sĩ chưa nhẹ gánh trách nhiệm đùm bọc gia đình, gặp cảnh

nghèo qua, phải bươn chải mưu sinh, đầu tắt mặt tối, cuối ngày trở về nhà với thân xác mỏi mệt, tâm thần bơ thờ, thử hỏi còn đâu thời giờ và sáng suốt để học hiểu chánh pháp và cần cù thực hành tu tập?

Cái khó khăn về tài được *cửu nan* gọi là "*thực bức bách*" (bị cơm áo bức bách, thôi thúc). Những người tu hành trong một giáo hội thì còn có thiện nam tín nữ, giáo hội trợ giúp vật chất. Các cư sĩ tại gia đành phải tự túc. Thiếu tài chánh để giải quyết vấn đề cơm áo thì không ai dễ an lòng tu hành. Vật chất tạm đủ thì mới mong chuyên tâm tập trung tu hành hôm sớm. Ngày xưa, dưới đời vua Tống Huy Tông (1101- 1125), đến đời Tống徽宗 là Trương Tam Phong mà còn phải ngậm ngùi than rằng giá như xưa kia ông có tiền kha khá thì đường tu đã dễ dàng hơn và đã đắc đạo sớm hơn rồi !

3. *Lữ* tức là bạn. Ý nghĩa của bạn rất rộng, từ vật chất tới tinh thần, gồm cả bạn đời bản đạo. Về vật chất bạn có thể là người cứu mạng, giúp đỡ người tu những khi đau yếu, hoạn nạn, v.v... Về mặt tinh thần, bạn gương mẫu, đạo hạnh cũng là chỗ dựa tin cậy cho người mới tu hãy còn non kém. Trên đường tu gian nan, những lúc thối chí ngã lòng, có bạn tu đồng viên, an ủi là điều rất quý. Hơn thế nữa, học thầy không tày học bạn. Thật vậy, lắm khi xa thầy, hay vì không tiện trực tiếp hỏi thầy, nhờ bạn gần gũi chỉ vẽ thêm mà người tu giải quyết được những vướng ngại trong lúc thực hành pháp môn. Những khi cùng bạn đạo bàn luận giáo lí, trao đổi ý kiến, người tu có thể

*. Nhà nghiên cứu, Tp. Hồ Chí Minh.

hóa giải những hoài nghi, thắc mắc cũng như rút tĩa kinh nghiệm tham thiền, tĩnh tọa của bạn.

Phật giáo thay vì nói *lữ* thì gọi là *thiện tri thức, thiện hữu* (bạn lành). Có ba bậc thiện tri thức đáng để người tu kết bạn trên đường cầu tìm giải thoát:

(1) *Giáo thọ thiện tri thức*: người bạn lành có thể làm thầy dạy mình;

(2) *Đồng hành thiện tri thức*: người bạn đồng hành chung đường có thể khuyên mình làm lành dữ;

(3) *Ngoại hộ thiện tri thức*: người bạn lành có thể giúp mình tu bằng cách cung cấp phương tiện vật chất.

Kinh *Niết Bàn* khuyên phải *thân cận* (gần gũi) *thiện tri thức* để mau đắc đạo; kinh *Thi-ca-la-việt* (*Sigalavada sutra*) chép lời Phật rằng: *Nên lựa người lành mà theo, hãy tránh xa người chẳng lành. Từ vô lượng kiếp tới nay. Ta thường thân cận với thiện tri thức, nay được thành Phật*⁽¹⁾.

Nói về ích lợi của *lữ* trong sự tu hành, Thánh giáo Cao Đài hay nhắc tới câu *Ăn cơm có canh, tu hành có bạn*. Điều này cũng đúng trong lịch sử đạo Cao Đài. Chẳng hạn, vị đệ tử Cao Đài đầu tiên là ông Ngô Văn Chiêu (Ngô Minh Chiêu, 1878 - 1932). Tuy trực tiếp học phép tu thiền từ Cao Đài Tiên ông qua cơ bút ở Phú Quốc (1921), nhưng trong buổi đầu khởi sự ông Chiêu cũng cần có một người bạn trợ giúp. Vị thiện tri thức đó là Thái sư Tùng Ngọc, một chức sắc cao trọng của đạo Minh Sư⁽²⁾.

4. *Địa* (hay đất) là môi trường thuận lợi tu hành. Theo phong thủy, có đất dữ tích nhiều ác khí; cũng có đất lành tụ nhiều linh khí, thanh khí, thuận lợi cho người tu, nhất là tu thiền (tĩnh tọa). Đạo giáo gọi các cuộc đất lành đó là *động thiên phúc địa*. Theo âm dương và ngũ hành tương sinh tương khắc, có cuộc đất rất hợp cho người này dừng chân tu luyện nhưng lại không hợp cho người khác nương náu. Một thiền sư Việt Nam đời Lý là Dương Không Lộ (?-1119) cũng từng chọn *địa* để tu, điều này được nói tới trong câu bài *Ngôi hoài* tuyệt đẹp của ông như sau:

*Trạch đắc long xà địa khả cư,
Đã tình chung nhật lạc vô dư.*

*Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh,
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư*

Kiều Thu Hoạch dịch:

*Kiểu đất long xà chọn nơi,
Tình quê lai láng chẳng hề rời
Có khi xông thẳng thẳng lên đầu núi,
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời*⁽³⁾.

Ngoài ý nghĩa gìn giữ thân thể khoẻ mạnh, *địa* (nơi chốn yên tĩnh trong lành) còn là ngoại cảnh trợ duyên để người tu rèn luyện cho tâm thanh tĩnh, an nhiên.

Chọn *địa* để tu cũng có các quan điểm khác nhau, thể hiện qua những cách nói như sau: *Nhất tu thị, nhị tu sơn* (tu giữa chợ đời mới là giỏi, tu ẩn nơi núi rừng thì còn non kém). Hoặc: *Tiểu ẩn, ẩn ư sơn lâm; ẩn ư thị triền* (kẻ tu xoàng thì ẩn thân nơi núi rừng; kẻ tu cao thâm thì ẩn thân chốn thành thị). Bậc cư sĩ thì bảo: *Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là chân tu*.

Địa ảnh hưởng không chỉ cá nhân mà còn cả một tập thể, một cộng đồng. Đó là lí do một số ông vua khai sáng triều đại mới đã phải rời bỏ kinh đô cũ để chọn đất dựng kinh đô mới. Nhiều cao tăng khi lập chùa phải chọn đất. Cuối tháng 02.1927, khi tìm đất xây dựng Toà Thánh Cao Đài tại Tây Ninh, các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Nguyễn Ngọc Thơ, Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang đã chọn được khoảnh rừng thuộc sở hữu của Aspar, một kiểm lâm người Pháp. Khoảnh rừng ấy xét ra có ưu điểm hơn so với các nơi khác ở Tây Ninh, vì: Cấm Giang thì khó khăn về lương thực, ăn uống: Bến Kéo địa thế nhỏ hẹp; Suối Vàng tuy được phong thổ tốt nhưng lại trở ngại về phương tiện chuyên chở... Hơn nữa theo phong thủy, khu rừng ấy ở thế đất rất tốt, vì tương truyền sâu dưới lòng đất 300 mét có sáu mạch nước tụ lại, gọi là *lục long phò ấn* (sáu rồng giữ ấn)./.

1. Đoàn Trung Còn. *Phật học từ điển*. Tập 3, tr. 1278 - 1279.
2. Lê Anh Dũng. *Lịch sử đạo Cao Đài thời kì tiềm ẩn 1920 - 1926*. Huế, Nxb. Thuận Hoá, 1996, tr. 68 - 69.
3. *Thơ văn Lý - Trần*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977, tr. 385.